

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAM RÔNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26/4/2021

V/v: Ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAM RÔNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Rung K'Nhơn.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà: Nguyễn Thị Bé

- Bà: Phan Thị Cẩm

Thư ký phiên tòa: bà Hoàng Thị Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2021; Tại hội trường trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 85/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXX-ST ngày 04 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích D; Sinh năm: 1991;*

Địa chỉ: Thôn 4, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

* *Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T; Sinh năm: 1988;*

Địa chỉ: Thôn 1, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn ly hôn ghi ngày 03 tháng 9 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích D trình bày:

Ngày 29 tháng 11 năm 2010, bà và ông T kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Việc kết hôn giữa bà và ông T là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, thời gian đầu bà và ông T chung sống tại xã K rất hòa thuận, hạnh phúc. Nhưng từ đầu năm 2020 đến nay thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống. Do đó bà và ông T thường xuyên cãi nhau, có lúc dẫn đến xô sát nhau, nên đến nay bà và ông T đã sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai nữa.

Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không còn khả năng hàn gắn lại được, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống thì bà và ông T có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Bảo T; Sinh ngày 24/10/2012; cháu Nguyễn Hoàng Ngọc T, sinh ngày 15/7/2014. Khi tòa án giải quyết ly hôn bà nhận nuôi cháu Ngọc T và Bảo T, đồng thời bà yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung với số tiền là 2.000.000đ/ 01 tháng/ 02 cháu cho đến khi hai cháu trưởng thành.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra bà không còn ý kiến và yêu cầu gì thêm.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Như bà D trình bày là hoàn toàn đúng. Tuy nhiên, ông nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, cuộc sống chung vẫn còn khả năng để hàn gắn được. Nên ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà D.

Về con chung, nợ chung và tài sản chung do ông T không đồng ý ly hôn nên ông không có ý kiến về những nội dung này.

Tòa án đã triệu tập nguyên đơn, bị đơn để tiến hành hòa giải nhưng bị đơn ông T vắng mặt không có lý do. Vì vậy Tòa án không tổ chức tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay bà D có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, cơ bản đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Về đường lối giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, bà D và ông T có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, quá trình chung sống, hai bên có xảy ra mâu thuẫn, hiện nay đã sống ly thân xét thấy tình cảm vợ chồng bà D và ông T không còn khả năng hàn gắn lại được, nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Theo nguyện vọng của các con chung thì giao cháu Nguyễn Hoàng Bảo T; Sinh ngày 24/10/2012; cháu Nguyễn Hoàng Ngọc T, sinh ngày 15/7/2014 cho bà D nuôi dưỡng. Ông T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung số số tiền là 2.000.000đ/02 cháu/ 01 tháng đến khi hai cháu trưởng thành.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xuất phát từ việc mâu thuẫn giữa vợ chồng, nên bà nguyên đơn bà D làm đơn yêu cầu ly hôn với ông T, còn ông Thắng cũng chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của bà D. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ kiện xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đam Rông.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Qua xem xét đánh giá chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời khai nhận của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án thì thấy rằng hôn nhân giữa bà D và ông T là hôn nhân hợp pháp, tuy nhiên theo bà D khai quá trình chung sống đến đầu năm 2020 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, từ đó hai bên đã sống ly thân, còn theo ông T khai thì tình cảm vợ chồng vẫn còn có thể hàn gắn lại được. Theo kết quả xác minh thực tế tại địa phương thì thấy rằng trong thời gian chung sống, ông T thường xuyên say xỉn, đánh đập vợ con, không chịu tu chí làm ăn, mặc dù đã được thôn, xóm tiến hành hòa giải nhiều lần, nhưng ông T vẫn không thay đổi, xét thấy tình cảm vợ chồng giữa ông T và bà D không còn khả năng để hàn gắn lại được, mục đích của cuộc hôn nhân không thành, nên Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu của bà D xử cho bà D được ly hôn với ông T.

[3] **Về con chung:** Xét thấy hai cháu đã trên 07 tuổi và đều có nguyện vọng được sống cùng với bà D. Nên Hội đồng xét xử xem xét giao 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Bảo T; Sinh ngày 24/10/2012; cháu Nguyễn Hoàng Ngọc T, sinh ngày 15/7/2014. Cho bà D nuôi dưỡng, đồng thời để đảm bảo cuộc sống cho 02 cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D, buộc Ông T phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung với số tiền là 2.000.000đ/02 cháu/ 01 tháng đến khi hai cháu trưởng thành.

[4] **Về tài sản chung:** Không có.

[5] **Về nợ chung:** Không có.

[6] **Về án phí:** Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56, Điều 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích D và ông Nguyễn Văn T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Bảo T; Sinh ngày 24/10/2012; cháu Nguyễn Hoàng Ngọc T, sinh ngày 15/7/2014 cho bà Nguyễn Thị Bích D

trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn T phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung số tiền là 2.000.000đ/02 cháu/ 01 tháng đến khi hai cháu trưởng thành.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn và thay đổi nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân gia đình.

3. Về án phí: Buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ toàn bộ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí bà D đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0004102 ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng. Ông Thắng phải nộp 300.000đ án phí DSST.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành dân sự.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSNDH. Đam Rông;
- CC THADS H. Đam Rông;
- UBND xã Đạ Long, Đam Rông;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Rung K'Nhon